

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan và ông Vũ Đình Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Hải L**, sinh năm 1988; địa chỉ: đường T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: đường T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Anh L có mặt, chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc với tòa án, nguyên đơn- anh Trần Hải L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện B, Hải Dương ngày 16/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 3-4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị T không lo làm để phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên tụ tập bạn bè để đánh lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Đã nhiều lần anh góp ý nhưng chị T không thay đổi dẫn đến vợ

chồng xảy ra cãi cọ, xúc phạm và có những lời nói không tôn trọng nhau. Chị T tự ý bỏ nhà đi từ tháng 6 năm 2017, anh đã nhiều lần đi tìm, nhắn tin, gọi điện qua mạng xã hội bảo chị T về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không về. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh cũng đã liên hệ với chị T thông qua mạng xã hội để trao đổi về việc anh có đơn xin ly hôn chị, chị T đã biết việc anh làm đơn xin ly hôn nhưng không có phản hồi gì về cho anh và cho Tòa án. Anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

- Về con chung: Vợ chồng hai con chung là Trần Huyền T, sinh ngày 10/3/2014 và Trần Diệu A, sinh ngày 12/4/2016, hiện các con đang ở với anh. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, theo lời khai của anh L và bà Lưu Bích H là mẹ đẻ anh L hiện đang cư trú tại thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương: sau khi kết hôn, chị T nhập hộ khẩu và về sinh sống cùng anh L tại địa chỉ nêu trên, khoảng tháng 6/2017 chị T tự ý bỏ nhà đi từ đó đến nay, gia đình không biết nơi cư trú mới của chị T. Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Đ là bà nội của chị T hiện đang cư trú tại thôn L, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên: bố đẻ chị T đã mất từ khi chị T còn nhỏ; mẹ đẻ chị T đã chuyển vào miền Nam sinh sống từ cách đây 3-4 năm, cũng từ đó mẹ con chị T không liên lạc với bà và bà cũng không biết nơi cư trú mới của mẹ con chị T. Tòa án đã tiến hành xác minh tại thôn P, huyện A, kết quả xác minh thể hiện: bố đẻ chị T đã chết, mẹ đẻ chị T đã bán nhà đi nơi khác sinh sống từ cách đây 3 – 4 năm, đối với chị T sau khi kết hôn đã chuyển khẩu về nhà chồng nên địa phương không quản lý. Theo trả lời của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an: chị Trần Thị T không có thông tin xuất nhập cảnh. Toà án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng bằng phương thức thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị T không đến Toà án làm việc, tham gia hoà giải.

Tại phiên tòa, anh L giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hải L đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hải L. Về

hôn nhân: Cho anh Trần Hải L ly hôn chị Trần Thị T. Về con chung: Giao cho anh Trần Hải L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Huyền T, sinh ngày 10/3/2014 và Trần Diệu A, sinh ngày 12/4/2016 (hiện tại cả hai con chung đang ở cùng anh L) từ tháng 5/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Anh Trần Hải L phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng: Trước khi bỏ đi nơi khác sinh sống, bị đơn cư trú tại thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương. Mặc dù bị đơn vẫn liên lạc với nguyên đơn qua mạng xã hội và không có thông tin xuất nhập cảnh nhưng bị đơn không cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới cho nguyên đơn. Do vậy, có căn cứ xác định bị đơn đang cư trú trong nước và nơi cư trú cuối cùng là thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương nên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bị đơn không thực hiện được bằng phương thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính và có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không đảm bảo cho bị đơn nhận được thông tin về văn bản cần cấp, tổng đạt, thông báo nên Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương thức thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 173; Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Hải L và chị Trần Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật nên là hôn nhân hợp pháp. Anh L xác định vài năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về lối sống, không quan tâm, chia sẻ, tôn trọng nhau. Chị T tự ý bỏ nhà đi từ tháng 6 năm 2017, anh đã nhiều lần đi tìm, nhắn tin, gọi điện cho chị T để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không về. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Từ khi thụ lý vụ án đến nay, chị T cũng không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm, tham gia hòa giải theo văn bản đã được

Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Hội đồng xét xử thấy rằng: tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau... Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ tháng 6/2017 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh L ly hôn chị T.

[3] Về con chung: Anh L, chị T có hai con chung là Trần Huyền T, sinh ngày 10/3/2014 và Trần Diệu A, sinh ngày 12/4/2016, hiện các con đang ở với anh L. Anh L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Theo anh L trình bày hiện tại anh làm nghề lái xe tải thuê cho công ty, thu nhập trung bình 10 triệu đồng/tháng. Hiện tại anh và các con đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh, nơi ở rộng rãi, thoáng mát và có đầy đủ các điều kiện để đảm bảo cuộc sống của các con. Hội đồng xét xử thấy rằng: từ khi chị T bỏ đi, các con chung đều do anh L nuôi dưỡng, các cháu đều phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần; hiện tại chị T không có mặt tại địa phương, không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con, tránh làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, học tập của con cũng như đảm bảo cho việc thi hành án, cần giao con chung Trần Huyền T và Trần Diệu A cho anh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của các bên đương sự và nguyện vọng của con chung. Anh L tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, anh cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hải L.

1- Về hôn nhân: Cho anh Trần Hải L ly hôn chị Trần Thị T.

2- Về con chung: Giao cho anh Trần Hải L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Huyền T, sinh ngày 10/3/2014 và Trần Diệu A, sinh ngày 12/4/2016 (hiện tại cả hai con chung đang ở cùng anh L) từ tháng 5/2021 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Anh Trần Hải L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), đối trừ 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2018/0004658 ngày 10/11/2020. Anh L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND thị trấn K, huyện B,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thanh Nam